



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 37684495|Fax: 024 37684490|Website: www.scigroup.vn

Số: 331/2018/CBTT-SCI-TCKT

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2018

(V/v: Công bố thông tin BCTC riêng Công ty CP SCI năm 2017.)

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI.**
2. Mã chứng khoán: **S99**
3. Trụ sở chính: **Tầng 3 tháp C, tòa Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495 Fax:(84.4) 3 768 4490.**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng.**
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng năm 2017 của Công ty Cổ phần SCI được ký ngày 28/03/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như k/gửi.
- Lưu P.HCNS.

Đính kèm: BCTC.



Lương Thanh Tùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/11/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



The stamp is a red circular seal for SCI Company. The outer ring contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' at the top and 'NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI' at the bottom. The center of the stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' in bold letters. A blue handwritten signature is written across the stamp.

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

Số: 320 BCKT/TC/VN8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 20 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

174.
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ
VIỆT NAM
THÀNH XUÂN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		210.697.815.312	291.856.053.598
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.194.884.940	3.745.149.528
111	1. Tiền		9.194.884.940	3.745.149.528
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.735.584.192	154.431.548.492
121	1. Chứng khoán kinh doanh		89.094.323.061	40.912.601.561
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(5.358.738.869)	(6.481.053.069)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	120.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		113.784.468.769	121.420.239.328
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	85.166.299.203	84.810.971.491
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.001.484.423	5.305.491.389
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	14.000.000.000	14.200.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	27.776.865.093	35.263.956.398
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(18.160.179.950)	(18.160.179.950)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.591.239.121	11.072.861.385
141	1. Hàng tồn kho		3.591.239.121	11.072.861.385
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		391.638.290	1.186.254.865
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	84.052.067	87.104.022
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		307.586.223	1.099.150.843
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		412.428.091.466	280.206.455.793
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		220.000.000	220.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	220.000.000	220.000.000
220	II. Tài sản cố định		12.600.507.675	18.081.235.526
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.503.632.724	17.971.860.571
222	- Nguyên giá		39.087.251.425	58.616.543.101
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26.583.618.701)	(40.644.682.530)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	96.874.951	109.374.955
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(245.625.049)	(233.125.045)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.832.871.818	90.909.091
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.832.871.818	90.909.091
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	396.946.860.215	259.884.316.111
251	1. Đầu tư vào công ty con		209.396.860.215	174.334.316.111
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		67.550.000.000	85.550.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		120.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		827.851.758	1.929.995.065
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	827.851.758	1.929.995.065
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		623.125.906.778	572.062.509.391

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		152.402.243.413	138.874.853.899
310	I. Nợ ngắn hạn		148.362.428.413	46.647.038.899
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	34.375.002.150	23.518.128.055
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		482.625.013	768.660.508
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.486.440.711	5.461.389.923
314	4. Phải trả người lao động		419.451.037	838.316.604
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	673.471.000	9.805.245.041
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	10.935.373.662	2.265.233.928
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	88.188.000.000	3.188.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		802.064.840	802.064.840
330	II. Nợ dài hạn		4.039.815.000	92.227.815.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	3.983.000.000	92.171.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		470.723.663.365	433.187.655.492
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	470.723.663.365	433.187.655.492
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		388.491.390.000	388.491.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		388.491.390.000	388.491.390.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	8.192.087.059
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.058.020.306	35.522.012.433
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		35.522.012.433	19.167.039.447
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		37.536.007.873	16.354.972.986
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		623.125.906.778	572.062.509.391


Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	164.381.561.714	115.161.749.106
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		164.381.561.714	115.161.749.106
11	4. Giá vốn hàng bán	22	151.311.731.973	106.274.751.922
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.069.829.741	8.886.997.184
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	59.650.594.506	70.422.720.248
22	7. Chi phí tài chính	24	15.027.903.325	33.166.159.294
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.924.357.414	11.955.242.392
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.884.103.105	24.695.449.885
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.808.417.817	21.448.108.253
31	11. Thu nhập khác	26	3.409.634.319	2.244.183.820
32	12. Chi phí khác	27	3.155.100.132	4.726.099.277
40	13. Lợi nhuận khác		254.534.187	(2.481.915.457)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.062.952.004	18.966.192.796
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	10.777.845.241	2.118.317.851
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>38.285.106.763</u>	<u>16.847.874.945</u>



Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		49.062.952.004	18.966.192.796
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.346.397.562	5.053.339.899
03	- Các khoản dự phòng		(1.122.314.200)	9.343.228.915
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(59.750.710.714)	(15.662.980.252)
06	- Chi phí lãi vay		9.924.357.414	11.955.242.392
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.460.682.066	29.655.023.750
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.140.067.682	43.441.619.553
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.481.622.264	7.726.571.365
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.947.280.814	(8.040.169.156)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.105.195.262	(107.116.394)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(48.181.721.500)	146.618.098.945
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.923.091.580)	(11.963.315.004)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.760.101.265)	(2.902.607.292)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(517.901.959)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.730.066.257)	203.910.203.808
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.741.962.727)	(90.909.091)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.772.272.725	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.000.000.000)	(135.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.200.000.000	2.800.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(131.155.514.389)	(104.778.066.111)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.065.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.228.006.060	11.979.676.796
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.367.801.669	(225.089.298.406)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	12.750.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.188.000.000)	(2.391.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.188.000.000)	10.359.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.449.735.412	(10.820.094.598)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.745.149.528	14.565.244.126
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.194.884.940</u>	<u>3.745.149.528</u>



Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909

Địa chỉ
Lai Châu

Hoạt động kinh doanh chính
Hoạt động xây lắp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm kế toán	20	năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.564.821.838	436.151.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.156.563.102	3.308.997.579
Tiền đang chuyển	1.473.500.000	-
	<u>9.194.884.940</u>	<u>3.745.149.528</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Các khoản đầu tư khác (*)	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Đầu tư dài hạn	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
Trái phiếu (*)	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng với số lượng là 120 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu là 05 năm kể từ tháng 06/2016 đến 06/2021. Khoản trái phiếu được chuyển nhượng theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	89.094.323.061	105.715.138.700	(5.358.738.869)	40.912.601.561	35.109.257.500	(6.481.053.069)
GEX	70.041.671.500	91.116.957.000	-	-	-	-
PCT	9.535.280.992	10.439.550.000	-	18.212.390.992	18.890.100.000	-
SDA	7.410.000.000	2.686.664.600	(4.723.335.400)	7.410.000.000	3.466.664.000	(3.943.336.000)
STG	-	-	-	3.877.500.000	3.877.500.000	-
DDV	-	-	-	5.401.440.000	3.511.900.000	(1.889.540.000)
VTX	1.475.610.000	1.377.236.000	(98.374.000)	1.475.610.000	1.377.236.000	(98.374.000)
Cổ phiếu khác	631.760.569	94.731.100	(537.029.469)	4.535.660.569	3.985.857.500	(549.803.069)
	89.094.323.061	105.715.138.700	(5.358.738.869)	40.912.601.561	35.109.257.500	(6.481.053.069)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	209.396.860.215	209.396.860.215	-	174.334.316.111	174.334.316.111	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	71.366.250.000	71.366.250.000	-	62.056.250.000	62.056.250.000	-
Công ty TNHH SCI Nghệ An	118.749.826.215	118.749.826.215	-	112.278.066.111	112.278.066.111	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	1.280.784.000	1.280.784.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	67.550.000.000	67.550.000.000	-	85.550.000.000	85.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	37.000.000.000	-	37.000.000.000	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	276.946.860.215	276.946.860.215	-	259.884.316.111	259.884.316.111	-

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An ⁽¹⁾	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	91,43%	96,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu ⁽²⁾	Lai Châu	99,72%	51,00%	Xây dựng thủy điện

(1) Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2017/HĐCNVG ngày 30/06/2017, Công ty Cổ phần SCI đã chuyển nhượng 49% vốn góp vào Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An (nay là Công ty TNHH SCI Nghệ An), tương đương 120.050.000.000 đồng cho Công ty TNHH MTV Năng Lượng Gelex. Sau thời điểm này, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty đối với phần vốn góp tại Công ty TNHH SCI Nghệ An giảm xuống từ 100% còn 51%.

(2) Ngày 26/10/2017, Công ty đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu về việc thay đổi tỷ thông tin về cổ đông sáng lập. Theo đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần SCI Lai Châu tăng 51%, tương đương 127.500.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2017, số vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần SCI Lai Châu là 18.050.000.000 đồng, số vốn đã góp của Công ty là 18.000.000.000 đồng, chiếm 99,72% vốn thực góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên Công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	-	19.197.109.863
Công ty Cổ phần SCI E&C	13.889.594.639	13.573.436.366
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	26.574.835.987	9.925.899.638
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	20.514.021.208	14.013.038.180
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	10.849.982.735	9.309.699.230
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.337.864.634	18.791.788.214
	<u>85.166.299.203</u>	<u>84.810.971.491</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	85.166.299.203	84.810.971.491
	<u>85.166.299.203</u>	<u>84.810.971.491</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>15.728.662.157</u>	<u>13.671.344.366</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam (*)	14.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	-	14.200.000.000
	<u>14.000.000.000</u>	<u>14.200.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho Công ty Cổ phần DVC Việt Nam vay

(*) Hợp đồng vay vốn số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017 với các nội dung sau:

- + Số tiền cho vay: 14.000.000.000 đồng
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 04/07/2017 đến 03/10/2017;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định, 4,9/năm.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.000.000.000 đồng.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.603.000.000	-	5.690.267.497	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Tạm ứng	3.833.263.767	-	4.551.564.584	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	16.000.000	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	38.304.270	-	8.171.397.525	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	-	-	1.200.000.000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	1.651.087.692	-	-	-
Phải thu khác	15.628.758.114	(4.556.156.954)	15.628.275.542	(5.209.909.133)
	<u>27.776.865.093</u>	<u>(4.556.156.954)</u>	<u>35.263.956.398</u>	<u>(5.209.909.133)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	<u>220.000.000</u>	<u>-</u>	<u>220.000.000</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	16.024.045.596	8.809.179.698	14.013.038.180	7.006.519.090
- Các khoản khác	15.385.866.329	4.440.552.277	28.601.399.553	17.456.738.693
	<u>31.409.911.925</u>	<u>13.249.731.975</u>	<u>42.614.437.733</u>	<u>24.463.257.783</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	460.143.421	-	460.143.421	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.131.095.700	-	10.612.717.964	-
	<u>3.591.239.121</u>	<u>-</u>	<u>11.072.861.385</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.832.871.818	90.909.091
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	1.832.871.818	-
Dự án Thủy điện Nậm Xe	-	27.272.727
Dự án Thủy điện Nậm Lum	-	63.636.364
	<u>1.832.871.818</u>	<u>90.909.091</u>

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	29.045.315.160	29.474.050.668	97.177.273	58.616.543.101
- Thanh lý, nhượng bán	(9.082.074.065)	(10.447.217.611)	-	(19.529.291.676)
Số dư cuối năm	<u>19.963.241.095</u>	<u>19.026.833.057</u>	<u>97.177.273</u>	<u>39.087.251.425</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	18.649.276.127	21.898.229.130	97.177.273	40.644.682.530
- Khấu hao trong năm	2.273.385.875	2.060.511.683	-	4.333.897.558
- Thanh lý, nhượng bán	(8.438.749.882)	(9.956.211.505)	-	(18.394.961.387)
Số dư cuối năm	<u>12.483.912.120</u>	<u>14.002.529.308</u>	<u>97.177.273</u>	<u>26.583.618.701</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	10.396.039.033	7.575.821.538	-	17.971.860.571
Tại ngày cuối năm	<u>7.479.328.975</u>	<u>5.024.303.749</u>	<u>-</u>	<u>12.503.632.724</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.949.695.942 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	250.000.000	92.500.000	342.500.000
Số dư cuối năm	<u>250.000.000</u>	<u>92.500.000</u>	<u>342.500.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	140.625.045	92.500.000	233.125.045
- Khấu hao trong năm	12.500.004	-	12.500.004
Số dư cuối năm	<u>153.125.049</u>	<u>92.500.000</u>	<u>245.625.049</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	109.374.955	-	109.374.955
Tại ngày cuối năm	<u>96.874.951</u>	<u>-</u>	<u>96.874.951</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	84.052.067	21.584.022
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	65.520.000
	<u><u>84.052.067</u></u>	<u><u>87.104.022</u></u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	563.962.869	1.133.474.556
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	-	166.585.833
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	157.712.454
Chi phí trả trước dài hạn khác	263.888.889	472.222.222
	<u><u>827.851.758</u></u>	<u><u>1.929.995.065</u></u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần SCI E&C	27.362.665.769	27.362.665.769	20.515.821.955	20.515.821.955
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	3.502.569.922	3.502.569.922	-	-
Phải trả các đối tượng khác	3.509.766.459	3.509.766.459	3.002.306.100	3.002.306.100
	<u><u>34.375.002.150</u></u>	<u><u>34.375.002.150</u></u>	<u><u>23.518.128.055</u></u>	<u><u>23.518.128.055</u></u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	34.375.002.150	34.375.002.150	23.518.128.055	23.518.128.055
	<u><u>34.375.002.150</u></u>	<u><u>34.375.002.150</u></u>	<u><u>23.518.128.055</u></u>	<u><u>23.518.128.055</u></u>
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)				
	<u><u>27.362.665.769</u></u>	<u><u>27.362.665.769</u></u>	<u><u>20.515.821.955</u></u>	<u><u>20.515.821.955</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.440.357.923	10.805.244.501	3.760.101.265	-	12.485.501.159
Thuế Thu nhập cá nhân	-	21.032.000	75.496.654	95.589.102	-	939.552
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	5.461.389.923	10.883.741.155	3.858.690.367	-	12.486.440.711

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	158.471.000	157.205.166
Trích trước giá vốn công trình	-	9.338.207.855
Chi phí phải trả khác	515.000.000	309.832.020
	<u><u>673.471.000</u></u>	<u><u>9.805.245.041</u></u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	224.193.080	230.037.900
Bảo hiểm xã hội	17.074.803	32.027.693
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	8.604.169.551	-
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	593.400.000	519.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.496.536.228	1.484.168.335
	<u><u>10.935.373.662</u></u>	<u><u>2.265.233.928</u></u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><u>56.815.000</u></u>	<u><u>56.815.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	3.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	88.188.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	88.188.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000
- Trái phiếu thường	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	3.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	3.188.000.000	88.188.000.000	88.188.000.000
b) Vay dài hạn	92.171.000.000	92.171.000.000	-	88.188.000.000	3.983.000.000	3.983.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	7.171.000.000	7.171.000.000	-	3.188.000.000	3.983.000.000	3.983.000.000
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-
	92.171.000.000	92.171.000.000	-	88.188.000.000	3.983.000.000	3.983.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng số 16008/TH/HĐTD.DAH ngày 19/02/2016 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 12.750.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng chẵn);
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ đắp tiền mua máy móc thiết bị, phương tiện vận tải đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015;
- Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất vay: Đối với các khoản vay nhận nợ trước 31/03/2016 có lãi suất cố định là 9%/năm; Đối với những khoản giải ngân sau 31/03/2016 được áp dụng theo thông báo của VCB Đông Anh tại thời điểm nhận nợ, lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.

Thông tin bổ sung khoản phát hành trái phiếu**Trái phiếu thường**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành						
Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10%	36 tháng	85.000.000.000	10%	36 tháng
	85.000.000.000			85.000.000.000		

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	37.658.429.447	416.832.682.506
Tăng vốn trong năm trước	18.491.390.000	-	-	(18.491.390.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	16.847.874.945	16.847.874.945
Tạm ứng thù lao HĐQT + BKS năm 2016	-	-	-	(492.901.959)	(492.901.959)
Số dư cuối năm trước	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	35.522.012.433	433.187.655.492
Số dư đầu năm nay	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	35.522.012.433	433.187.655.492
Lãi trong năm này	-	-	-	38.285.106.763	38.285.106.763
Tạm ứng thù lao HĐQT + BKS năm 2016	-	-	-	(708.000.000)	(708.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(41.098.890)	(41.098.890)
Số dư cuối năm này	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	73.058.020.306	470.723.663.365

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông	388.491.390.000	100,00%	388.491.390.000	100,00%
	388.491.390.000	100%	388.491.390.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	388.491.390.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>388.491.390.000</i>	<i>370.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>-</i>	<i>18.491.390.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>388.491.390.000</i>	<i>388.491.390.000</i>

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.849.139</i>	<i>38.849.139</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	38.849.139
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.849.139</i>	<i>38.849.139</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	100,46	100,46

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.666.483.636	12.029.828.210
Doanh thu hợp đồng xây dựng	155.715.078.078	103.131.920.896
	<u><u>164.381.561.714</u></u>	<u><u>115.161.749.106</u></u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	147.081.338.081	100.794.093.541
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.230.393.892	5.480.658.381
	<u><u>151.311.731.973</u></u>	<u><u>106.274.751.922</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.190.320.063	8.606.608.571
Lãi bán các khoản đầu tư	42.457.810.215	52.668.241.116
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.950.418.500	9.050.113.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.045.728	97.757.061
	59.650.594.506	70.422.720.248

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.924.357.414	11.955.242.392
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.512.777.779	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.690.596.000	21.641.552.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	48.865.211	-
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.122.314.200)	(2.313.256.345)
Chi phí tài chính khác	973.621.121	1.882.620.461
	15.027.903.325	33.166.159.294

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.665.544.683	1.329.193.883
Chi phí nhân công	3.138.731.816	5.295.633.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	691.524.422	996.268.222
Thuế, phí, lệ phí	3.016.500	174.362.718
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	11.656.485.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.269.594.305	2.896.262.078
Chi phí khác bằng tiền	2.115.691.379	2.347.244.565
	8.884.103.105	24.695.449.885

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	637.942.436	-
Cho thuê văn phòng và tiền điện	2.079.914.924	1.652.756.354
Thu nhập từ thanh lý và nhượng bán CCDC	-	260.996.067
Thu nhập khác	691.776.959	330.431.399
	3.409.634.319	2.244.183.820

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng và tiền điện	2.024.498.095	1.795.851.301
Các khoản phạt	-	436.204.131
Chi phí thi công Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá Núi Chua	-	1.993.741.819
Chi phí khác	1.130.602.037	500.302.026
	3.155.100.132	4.726.099.277

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.062.952.004	18.966.192.796
Các khoản điều chỉnh tăng	632.382.847	675.509.966
- Chi phí không hợp lệ	632.382.847	675.509.966
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.950.418.500)	(9.050.113.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.950.418.500)	(9.050.113.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.744.916.351	10.591.589.262
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.348.983.270	2.118.317.852
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.456.261.231	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.440.357.923	6.224.647.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.760.101.265)	(2.902.607.292)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	12.485.501.159	5.440.357.923

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.665.544.683	3.617.068.173
Chi phí nhân công	3.156.549.998	4.940.719.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.346.397.562	4.815.504.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.367.367.592	97.280.989.372
Chi phí khác bằng tiền	2.144.975.243	3.264.736.824
	159.680.835.078	113.919.018.218

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	9.194.884.940	-	-	9.194.884.940
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.782.984.346	220.000.000	-	95.002.984.346
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.735.584.192	-	-	83.735.584.192
Đầu tư dài hạn	-	187.550.000.000	-	187.550.000.000
	<u>201.713.453.478</u>	<u>187.770.000.000</u>	<u>-</u>	<u>389.483.453.478</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản trương đương tiền	3.745.149.528	-	-	3.745.149.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.914.747.939	220.000.000	-	102.134.747.939
Các khoản cho vay	14.200.000.000	-	-	14.200.000.000
Đầu tư ngắn hạn	154.431.548.492	-	-	154.431.548.492
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	<u>274.291.445.959</u>	<u>85.770.000.000</u>	<u>-</u>	<u>360.061.445.959</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	88.188.000.000	3.983.000.000	-	92.171.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	45.310.375.812	56.815.000	-	45.367.190.812
Chi phí phải trả	673.471.000	-	-	673.471.000
	<u>134.171.846.812</u>	<u>4.039.815.000</u>	<u>-</u>	<u>138.211.661.812</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	3.188.000.000	92.171.000.000	-	95.359.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.783.361.983	56.815.000	-	25.840.176.983
Chi phí phải trả	9.805.245.041	-	-	9.805.245.041
	<u>38.776.607.024</u>	<u>92.227.815.000</u>	<u>-</u>	<u>131.004.422.024</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.338.116.415	128.043.445.299	164.381.561.714
Tài sản bộ phận	596.551.070.791	26.574.835.987	623.125.906.778

107
3 T
M H
D A
N H
V A
N - T

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:
(riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 18.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.804.594.457	10.474.058.766
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	8.491.389.003	10.311.693.312
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	20.681.818	162.365.454
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	78.737.273	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	213.786.363	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		143.988.277.328	89.714.996.842
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	142.515.893.956	89.714.996.842
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	1.472.383.372	-
Lãi tiền cho vay		273.750.000	1.071.800.000
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	273.750.000	1.071.800.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		15.728.662.157	13.671.344.366
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	13.889.594.639	13.573.436.366
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Công ty con	-	97.908.000
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	194.419.242	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	1.644.648.276	-
Phải thu khác		48.859.000	57.049.000
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	48.859.000	56.359.000
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	-	690.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	14.200.000.000
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	-	14.200.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		27.362.665.769	20.515.821.955
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	27.362.665.769	20.515.821.955
Phải trả khác		30.666.360	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Công ty con	30.666.360	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.961.858.539	1.726.600.000
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	482.766.667	420.525.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2018

